

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2025
V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng và dành quyền
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Quang Trung
2. Ông Võ Văn Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Loan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong
Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
58/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp yêu cầu
không công nhận quan hệ vợ chồng và dành quyền nuôi con; theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025,
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thu T, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng
mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Hoàng T1, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng
mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, TP .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Huỳnh Thu T
trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Hoàng T1 tự nguyện chung sống với nhau từ
năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc,
sau đó hai người thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan

điểm, cả hai đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không được. Ông bà đã sống ly thân được một khoảng thời gian, bà T nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thu T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Huỳnh Hoàng T1.

Về con chung: Có 02 con chung gồm: Huỳnh Minh P (nữ) sinh ngày 20/10/2012, Huỳnh Ngọc T2 (nữ) sinh ngày 28/6/2014. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn – ông Huỳnh Hoàng T1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông thống nhất theo trình bày của bà Huỳnh Thu T và đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn là yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy,

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thu T và ông Huỳnh Hoàng T1 chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, dành quyền nuôi con chung. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, dành quyền nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thu T và ông Huỳnh Hoàng T1 chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Thông thống N giao 02 con chung gồm: Huỳnh Minh P (nữ) sinh ngày 20/10/2012, Huỳnh Ngọc T2 (nữ) sinh ngày 28/6/2014 cho bà T nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Huỳnh Hoàng T1 theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí án hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thu T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào :

- Khoản 7, 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thu T.

[1]. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thu T và ông Huỳnh Hoàng T1.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung gồm: Huỳnh Minh P (nữ) sinh ngày 20/10/2012, Huỳnh Ngọc T2 (nữ) sinh ngày 28/6/2014 cho bà Huỳnh Thu T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Hoàng T1 không phải cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Huỳnh Hoàng T1 theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thu T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003317, ngày 13/3/2025 của chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp xong.

[5]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- UBND xã Nhơn Ái;
- Lưu HS (2b).

(đã ký)

Đinh Huỳnh Thái Ngọc